

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 27/2017/HNGD-ST
Ngày 12/7/2017
V/v tranh chấp về HN-GĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh
Ông Trịnh Công Kiều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Huyền Chung - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 80/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/4/2017 về "**tranh chấp hôn nhân và gia đình**", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 02/6/2007 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1966

Nơi ĐKKHKT: thôn 2, xã L,L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thôn T,L, xã H,L, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T - Sinh năm 1967

Địa chỉ : thôn 2, xã L,L , huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông T (lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà và bị đơn là ông Trần Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H,L, huyện Hà Trung cấp ngày 19/3/1992. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên hay cãi vã lẫn nhau, hơn nữa ông T không chịu lao

động mà thường xuyên uống rượu say xỉn suốt ngày, mỗi lần say lại đánh đập bà thậm tệ. Năm 2003 bà đã phải bỏ vào miền nam làm ăn, ông T cũng theo vào, hai bên làm gần nhau nhưng không ăn và ở chung với nhau. Đến năm 2010 bà quay về vợ chồng trở lại bình thường, bà bỏ tiền ra tu sửa lại nhà cửa nhưng chỉ được 02 tháng sau ông T lại chứng nào tật ấy, uống rượu say rồi đánh đập xua đuổi bà. Tháng 9 năm 2014 bà lại phải bỏ nhà đi vào miền nam làm ăn từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn T.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị T xác định; Vợ chồng chưa có con chung và hiện tại bà T cũng không có thai nghén gì với ông T - không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và công nợ:** Bà Nguyễn Thị T xác định: Vợ chồng không có tài sản chung; không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì - không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Trần Văn T nhiều lần nhưng ông T không đến làm việc; bà T có đơn đề nghị Tòa án về tại gia đình và địa phương nơi ông Trần Văn T cư trú để xác minh việc vắng mặt của ông T. Tòa án đã về gia đình gặp trực tiếp ông T để làm việc, nhưng ông T không có thiện chí làm việc và không ký bất kỳ giấy tờ gì có liên quan đến việc ly hôn của vợ chồng. Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập cùng các giấy tờ có liên quan cho ông T tại UBND xã L,L. Vụ án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đưa vụ án ra xét xử, Bà T có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc hoãn phiên tòa và báo lần 2 để xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T vắng mặt lần thứ 2. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa ra xét xử vắng mặt ông Trần Văn T.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông Trần Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý và giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã chấp hành và tuân theo đúng quy định, những người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và cho bà T được ly hôn với ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết:** Bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện về việc: Xin ly hôn đối với ông Trần Văn T và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc thụ lý vụ án dân sự quan hệ tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung:**

* **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn, ngày 19 tháng 3 năm 1992 là hôn nhân hợp pháp.

Kết hôn xong cả hai vợ chồng đều ở nhà, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T trình bày cũng như thực tế cho thấy nguyên nhân làm cho vợ chồng mâu thuẫn trước hết là do tính tình không hợp, ông T thường xuyên rượu chè, không chịu lao động, mỗi lần say lại kiếm cớ đánh đập vợ, tính cảm vợ chồng lạnh nhạt, thấy không thể cải thiện được bà T bỏ vào miền nam làm ăn, ông T theo vào nhưng hai người ly thân không quan tâm đến nhau. Cuối năm 2014 bà T có quay trở về cùng với ông T, nhưng ông T không hề thay đổi vẫn thường xuyên đánh đập vợ, cuộc sống chung của vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng đã thực sự ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay bà T làm đơn xin ly hôn. Xét nguyện vọng xin ly hôn của bà T là có cơ sở, hoàn toàn chính đáng. Thực tế cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người thực sự không còn. Do vậy nghĩ nên chấp nhận việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Văn T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* **Về con chung:** Vợ chồng không có con chung, bà T không có thai nghén gì nên miễn xét.

* **Về tài sản và công nợ:** Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147;

Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Vắng mặt ông Trần Văn T.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Trần Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/ 0002497 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc. Chấp nhận bà T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hậu Lộc
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L,L;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Nam Văn